

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2121 /BKHĐT - KTDV

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2013

V/v triển khai Đề án “Rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKTCK để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2013-2015”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh Quảng Ninh; Lạng Sơn; Lào Cai; Hà Tĩnh; Quảng Trị; Kon Tum; Tây Ninh và An Giang

Ngày 07/11/2012, tại văn bản số 2074/TTg-KTTH của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số khu kinh tế cửa khẩu để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2015”, theo đó, trong giai đoạn 2013-2015, chọn tám (08) khu kinh tế cửa khẩu để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước, gồm:

- a) Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh;
- b) Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- c) Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
- d) Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh;
- đ) Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị;
- e) Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum;
- g) Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh;
- h) Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang.

Cũng theo văn bản nói trên, trong số tám (08) khu kinh tế cửa khẩu nêu trên, cần xác định mức độ và thứ tự ưu tiên đầu tư giữa các khu; lựa chọn các hạng mục công trình có nhu cầu cấp thiết của từng khu để tập trung đầu tư nhằm phát huy nhanh hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế cửa khẩu này.

Để triển khai Đề án nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Ủy ban báo cáo đánh giá tình hình hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn kể từ khi thành lập đến nay theo một số nội dung sau:

1. Tình hình thực hiện cơ chế, chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu

- Tình hình thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu; các vấn đề về hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế, khu phi thuế quan... theo Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 2/3/2009 và Quyết định số 93/2009/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó nêu rõ những điểm tích cực và những vướng mắc, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Tình hình hoạt động, thu hút đầu tư của Khu kinh tế cửa khẩu

- Tình hình hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu bao gồm quy mô, dân số, lao động, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, thu ngân sách, số lượng doanh nghiệp và hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh, kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế, khu phi thuế quan. Trường hợp Khu kinh tế cửa khẩu đã xây dựng và triển khai hoạt động của khu phi thuế quan, đề nghị báo cáo cụ thể tình hình hoạt động của khu phi thuế quan (khu thương mại - công nghiệp, khu bảo thuế) trong Khu kinh tế cửa khẩu.

- Tình hình thu hút và triển khai các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ khi thành lập Khu kinh tế cửa khẩu đến nay (số lượng dự án, tổng số vốn đăng ký và thực hiện).

- Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế - xã hội do các dự án mang lại (mặt được, chưa được, nguyên nhân).

- Cung cấp thông tin theo biểu mẫu kèm theo (Biểu số 1).

3. Công tác quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu

Tình hình triển khai công tác quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng trong Khu kinh tế cửa khẩu (nêu rõ số quyết định phê duyệt, cơ quan phê duyệt, thời gian phê duyệt...).

4. Tình hình đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu

- Tình hình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách Trung ương và các nguồn vốn khác (ngân sách địa phương, doanh nghiệp...) để phát triển cơ sở hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu từ khi thành lập đến nay.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế - xã hội do các dự án mang lại (mặt được, chưa được, nguyên nhân).

- Danh mục các dự án đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu đã và đang triển khai (Biểu số 2 và Biểu số 3).

- Danh mục dự án, công trình cấp thiết cần tập trung đầu tư của Khu kinh tế cửa khẩu (Biểu số 4).


5. Những kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách

Báo cáo xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Kinh tế dịch vụ) trước ngày 20/4/2013 để tổng hợp, triển khai các bước tiếp sau.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự hợp tác chặt chẽ của Quý Ủy ban./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTDV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hiếu

BIỂU SỐ 1

BÁO CÁO CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA KHU KINH TẾ CỬA KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN

(Kèm theo công văn số: 2121/BKHĐT-KTDV ngày 03 tháng 4 năm 2013)

STT	Nội dung	Giai đoạn 1996-2000		Giai đoạn 2001-2005		Giai đoạn 2006-2010		Thực hiện 2011	Thực hiện 2012
		Tổng số	Trong đó, 2000	Tổng số	Trong đó, 2005	Tổng số	Trong đó, 2010		
1	Diện tích khu kinh tế cửa khẩu (ha)								
2	Dân số của khu kinh tế cửa khẩu								
3	Số lao động trong khu KTCK								
4	Kim ngạch xuất nhập khẩu (USD)								
	+ Xuất khẩu								
	+ Nhập khẩu								
5	Các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu qua khu KTCK								
	- Xuất khẩu								
	+ Mặt hàng A (khối lượng và trị giá)								
	+ Mặt hàng B (khối lượng và trị giá)								
								
	- Nhập khẩu								
	+ Mặt hàng A (khối lượng và trị giá)								
	+ Mặt hàng B (khối lượng và trị giá)								
								
6	Số lượt người xuất nhập cảnh (lượt người)								
	+ Xuất cảnh								
	+ Nhập cảnh								
7	Số phương tiện xuất nhập cảnh (lượt xe)								
	+ Xuất cảnh								
	+ Nhập cảnh								
8	Thu ngân sách qua khu kinh tế cửa khẩu (VND)								
	+ Thuế xuất nhập khẩu								
	+ Thuế và phí khác								
9	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn khu KTCK								
10	Số hộ gia đình kinh doanh trên địa bàn khu KTCK								
11	Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu KTCK								
	- Dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài								
	+ Số lượng dự án (dự án)								
	+ Số vốn (USD)								
	- Dự án thu hút vốn trong nước								
	+ Số lượng dự án (dự án)								
	+ Số vốn (USD hoặc VND)								

BIỂU SỐ 2**BÁO CÁO ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU KINH TẾ CỬA KHẨU TRÊN ĐIÀBÀN TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN HẾT NĂM 2010**

(Kèm theo công văn số 212/IBKHET-KTDV ngày 03 tháng 4 năm 2013)

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Trong đó, Vốn NS TW	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ						
1	Dự án A						
2	Dự án B						
3						
4						
5						

BIỂU SỐ 3

BÁO CÁO ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU KINH TẾ CỬA KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỪ NĂM 2011 TRỞ ĐI

(Kèm theo công văn số 22/BKHĐT-KTDV ngày 03 tháng 4 năm 2013)

TT	Danh mục dự án	Dự án nhóm (A/B/C)	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Tổng mức đầu tư (lên điều chỉnh cuối cùng)	Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành đến 31/12/2010	Lũy kế vốn đã giải ngân, thanh toán đến 31/01/2011	Năm 2011						Năm 2012						Năm 2013						Ghi chú		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành								TMDT	Kế hoạch giao		Thực hiện từ 01/01/2011 đến hết 31/12/2011		Giải ngân từ 01/01/2011 đến 31/01/2012		Kế hoạch giao		Thực hiện từ 01/01/2012 đến hết 31/12/2012		Giải ngân từ 01/01/2012 đến 31/01/2013		Kế hoạch giao		Ước khối lượng thực hiện từ 01/01/2013 đến hết 31/12/2013		Ước giải ngân từ 01/01/2013 đến 31/01/2014			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35		
TỔNG SỐ																																		
1	Dự án A																																	
2	Dự án B																																	
3																																	

BIỂU SỐ 4**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CẤP THIẾT CẦN TẬP TRUNG ĐẦU TƯ CỦA KHU KINH TẾ CỬA KHẨU**

(Kèm theo công văn số 21/21 IBKHĐT-KTDV ngày 02/tháng 4 năm 2013)

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Trong đó, Vốn NS TW	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ						
1	Dự án A						
2	Dự án B						
3						
4						
5						